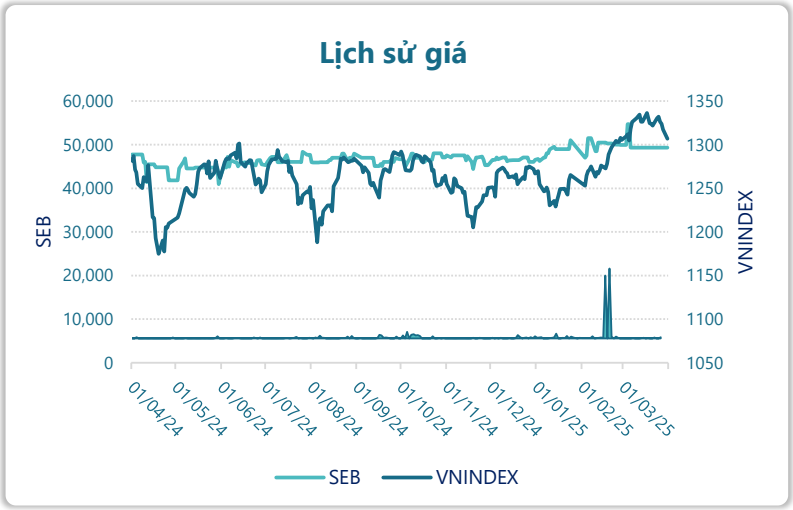
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung (HNX: SEB)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**49,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	54,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,946
SL cổ phiếu LH	31,999,969
KLGD BQ 20 phiên (CP)	400
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,578
P/E	13.2
EPS	3,748

DT thuần

Q1/25

83.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.20| 1.4%

YoY: ▲ 6.60| 8.5%

LN sau thuế

Q1/25

48.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.80| 8.4%

YoY: ▲ 2.00| 4.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

61.6%

+/- YoY: ▼ 5.7%

DT thuần

2024

256

tỷ VNĐ

YoY: ▼55.0| -17.8%

LN sau thuế

2024

134

tỷ VNĐ

YoY: ▼41.0| -23.9%

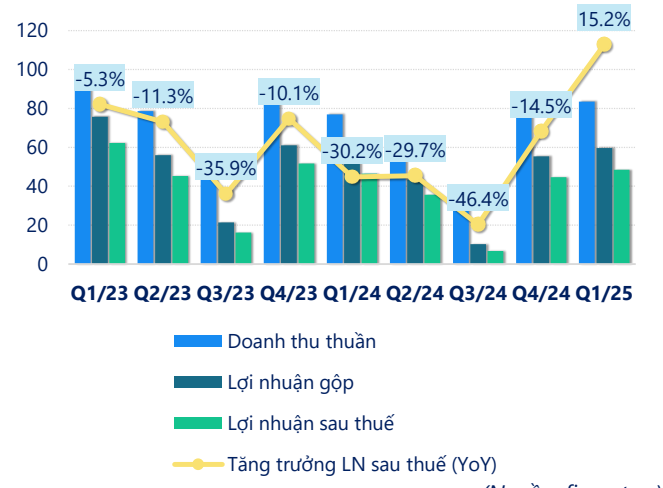
ROE

2024

17.9%

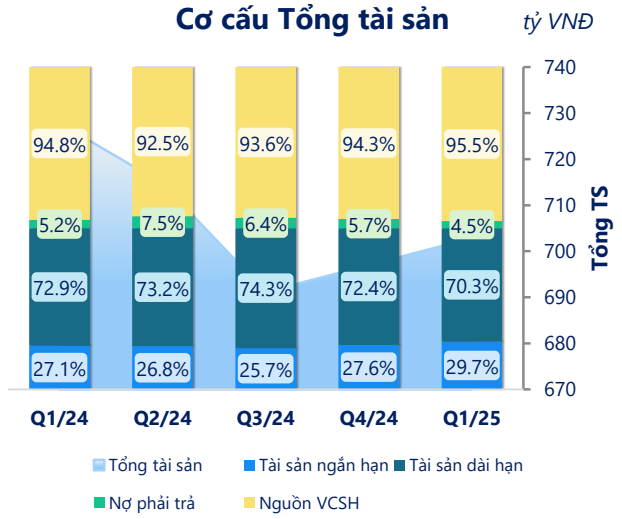
+/- YoY: ▼ 6.1%

Kết quả kinh doanh



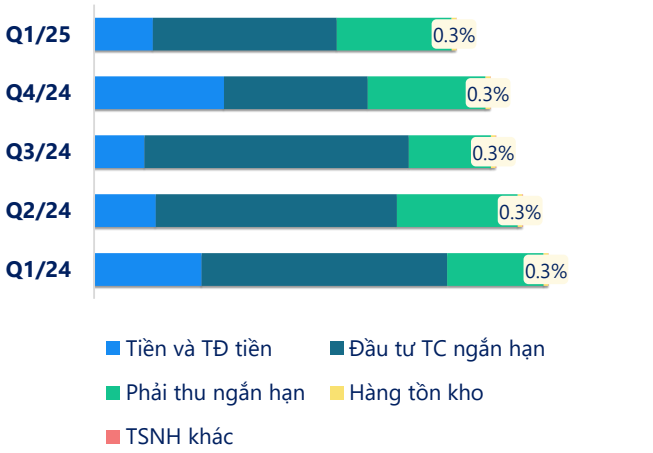
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



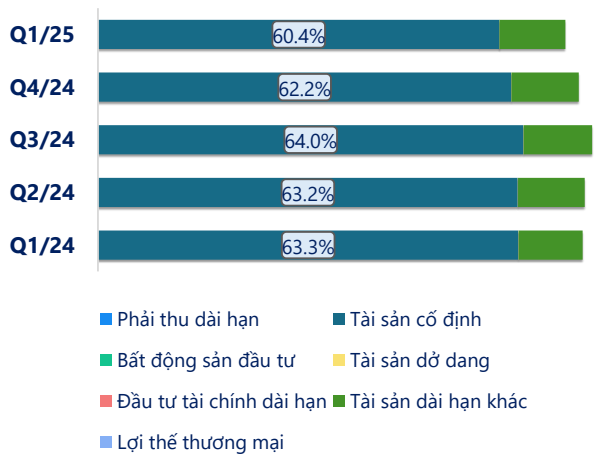
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



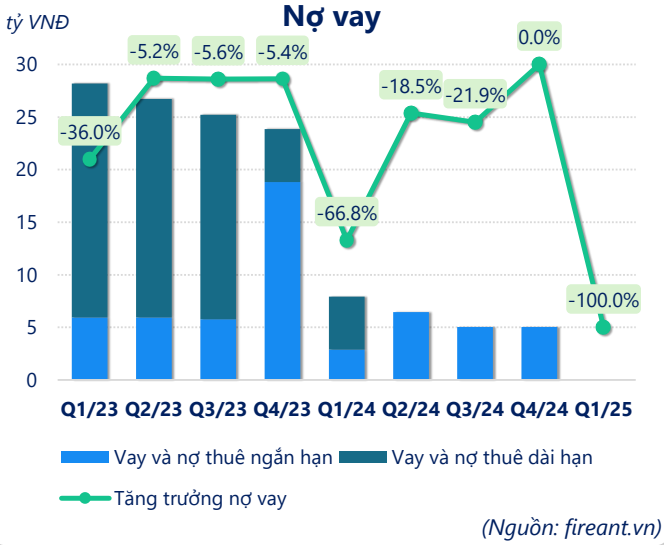
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



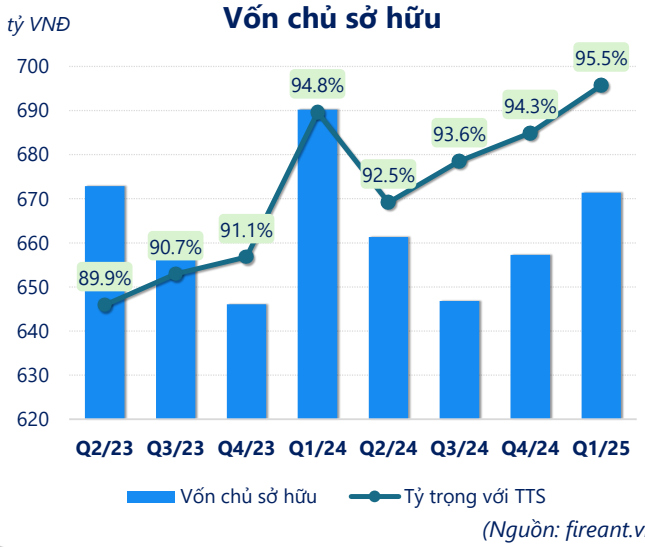
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



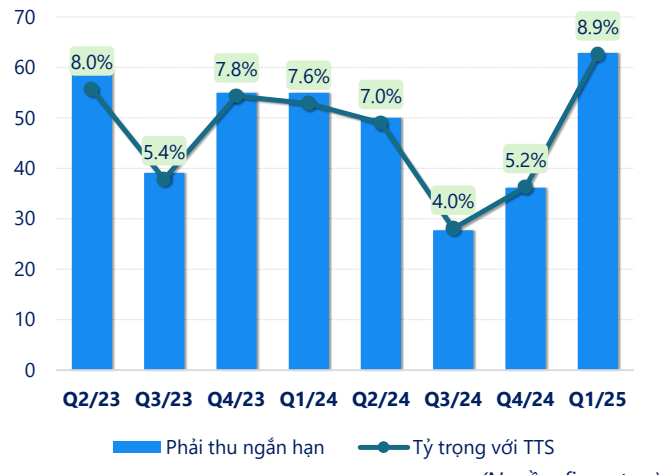
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



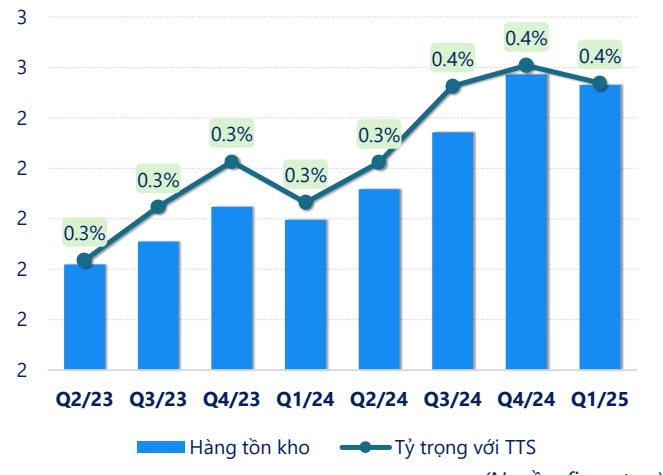
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



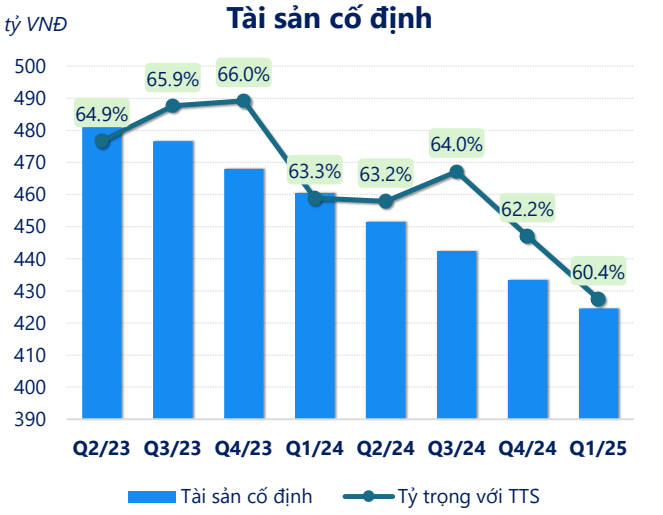
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



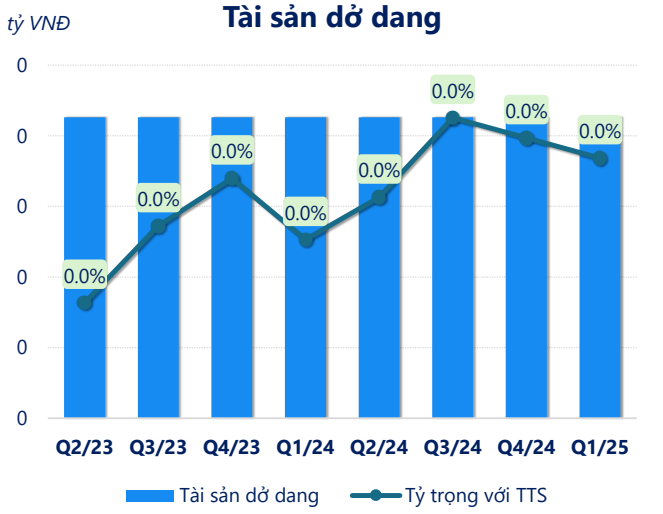
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



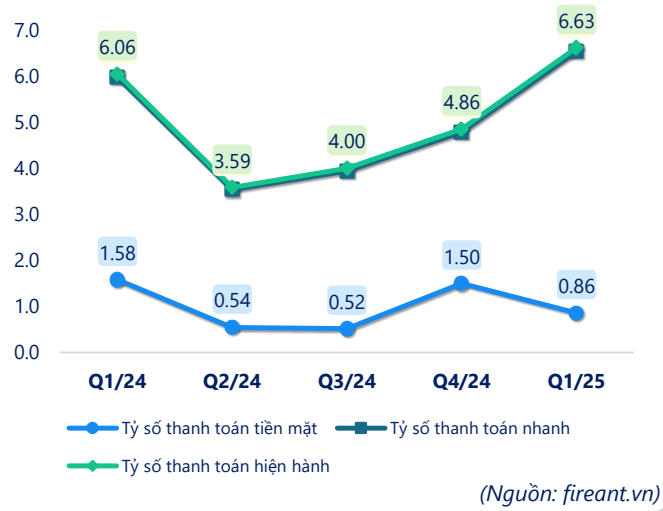
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



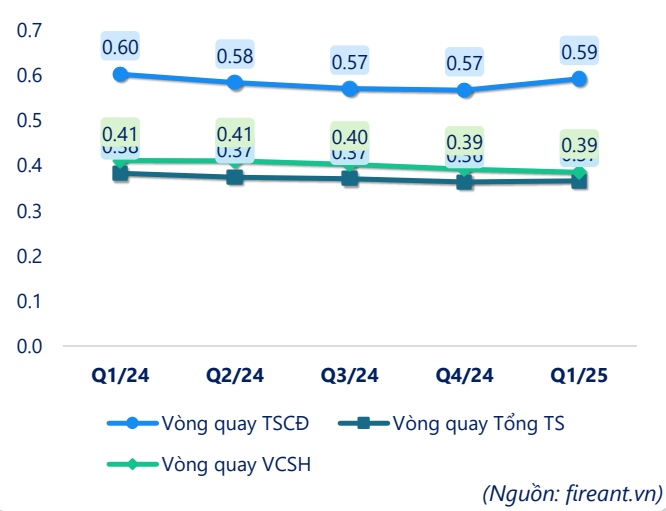
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**728**	**715**	**691**	**697**	**703**
Tài sản ngắn hạn	**197**	**191**	**177**	**193**	**209**
Tiền và tương đương tiền	51.6	29.1	23.0	59.6	27.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.2	110	124	94.2	116
Phải thu ngắn hạn	55.0	50.0	27.7	36.2	62.9
Hàng tồn kho	2.35	2.38	2.44	2.49	2.48
Tài sản ngắn hạn khác	0.17	0.34	0.45	0.26	0.31
Tài sản dài hạn	**531**	**523**	**514**	**504**	**494**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	460	451	442	433	425
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.21	0.21	0.21	0.21	0.21
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	69.9	71.6	71.1	70.6	69.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**37.6**	**53.4**	**44.3**	**39.7**	**31.5**
Nợ ngắn hạn	**32.6**	**53.4**	**44.3**	**39.7**	**31.5**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.88	6.46	5.04	5.04	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.05	5.06	5.22	5.68	5.46
Nợ dài hạn	5.04	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	5.04	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**690**	**661**	**647**	**657**	**671**
Vốn chủ sở hữu	**690**	**661**	**647**	**657**	**671**
Vốn điều lệ	320	320	320	320	320
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)